

CÔNG TY CỔ PHẦN CONSTRUCTION VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CONSTRUCTION VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM CONSTRUCTION .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108393927

3. Ngày thành lập: 08/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ki ốt số 7, Lô 1, Chung cư Metropolitan CT36A, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
3.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
4.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
5.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
6.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7.	Xây dựng công trình công ích	4220
8.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
9.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
10.	In ấn	1811
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
19.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

21.	Thu gom rác thải độc hại	3812
22.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
23.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (trừ bán buôn vàng miếng)	4662
27.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
28.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
29.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
30.	Sao chép bản ghi các loại	1820
31.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
32.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
35.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Vận tải đường ống	4940
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
41.	Bốc xếp hàng hóa	5224
42.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
43.	Đúc kim loại màu	2432
44.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Kiểm định xây dựng - Định giá xây dựng: + Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; + Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; + Đo bóc khối lượng; + Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; + Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng - Tư vấn đầu thầu - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án	7110
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
48.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Quảng cáo	7310
52.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
53.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
54.	Cho thuê xe có động cơ	7710
55.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
56.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
57.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
62.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
63.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
64.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
65.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
66.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
67.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
68.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
69.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
70.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
71.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
72.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
73.	Đúc sắt, thép	2431
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
76.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
77.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
78.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
79.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
80.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
81.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
84.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
85.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
86.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
87.	Phá dỡ	4311
88.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
89.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

90.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
91.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
92.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
93.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
94.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
95.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
96.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
97.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
98.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
99.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
102.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ LỰU	Đội 14, An Thắng, Xã Yên Chính, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	162723363	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN TRUNG XÔ	Xóm 15, Xã Nghi Trường, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	186259312	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
3	HOÀNG THỊ THANH YẾN	Số nhà 9, ngõ 348, đường Kim Giang, Tổ 24, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	013055717	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG XÔ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186259312

Ngày cấp: 27/09/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 15, Xã Nghi Trường, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm 15, Xã Nghi Trường, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 08/08/2018 đến ngày 07/09/2018

